

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý
hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTĐ ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an, quy định thẩm quyền, thủ tục và Quy chế xác định tình trạng nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trường phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 48/2014/TT-BCA ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 43/2014/TT-BCA ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BCA ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp lập hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

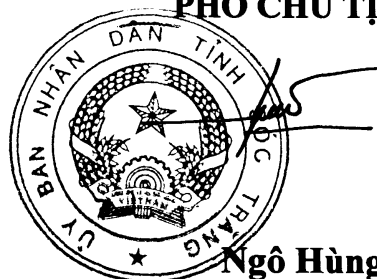
Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ban hành Quy chế phối hợp trong việc lập hồ sơ, quản lý đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

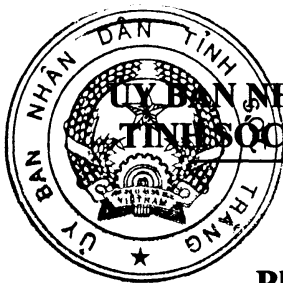
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: NC, HC, *h* (55b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp lập hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2019/QĐ-UBND ngày 25/ 4 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp lập hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và quản lý đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bao gồm: áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và quản lý đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Người có hành vi vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phải bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa xử lý mà đang trong quá trình lập hồ sơ để xử lý.

3. Cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Trong quá trình lập, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ phải có sự phối hợp, thông tin lẫn nhau để việc lập hồ sơ được đảm bảo hợp pháp, kịp thời. Trường hợp có khó khăn trong việc lập hồ sơ thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với hình thức áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với hình thức áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Tuân thủ Quy chế, thẩm quyền và thành phần hồ sơ theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi lập hồ sơ phải đảm bảo về thủ tục và tính pháp lý của các giấy tờ do mình lập. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiếp nhận hồ sơ phải nhanh chóng kiểm tra, nếu phát hiện chưa đảm bảo hợp pháp thì không nhận và yêu cầu bằng văn bản thực hiện đúng quy định.

Điều 4. Xác định đối tượng không có nơi cư trú ổn định

Việc xác định đối tượng không có nơi cư trú ổn định thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Cư trú; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 18/04/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

Chương II **ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH GIÁO DỤC** **TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

Điều 5. Lập hồ sơ

1. Trưởng Công an cấp xã, cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan Công an tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ) khi phát hiện người vi phạm pháp luật thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là biện pháp giáo dục) thì tiến hành lập hồ sơ đề nghị theo quy định.

2. Trường hợp Trưởng Công an cấp xã nhận được văn bản đề nghị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người vi phạm đang làm việc hoặc học tập; Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng ấp, Trưởng khóm và các đơn vị tương đương thì trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin về hành vi vi phạm và nhân thân người vi phạm, qua kiểm tra nếu thuộc đối tượng hoặc không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục thì có văn bản trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận lập hồ sơ cho người đề nghị biết, nếu chấp nhận thì tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục.

3. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Nghị định số 111/2013/NĐ-CP).

Riêng đối với những trường hợp người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này thì phải có văn bản đề nghị lập hồ sơ.

4. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền là 10 (mười) ngày, kể từ ngày xác định người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục. Trường hợp cần thu thập thêm thông tin tối đa là 15 (mười lăm) ngày.

Ngày xác định người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục là căn cứ vào ngày ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc ngày nhận được Quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án hoặc ngày ban hành văn bản chấp nhận thuộc trường hợp khoản 2 Điều này hoặc ngày lập biên bản vi phạm hành chính lần vi phạm thứ 3 hoặc ngày nhận được phiếu trả lời kết quả xác định tình trạng nghiện của cơ quan y tế nếu là người nghiện ma túy.

Điều 6. Chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục như sau:

1. Đối với đối tượng có nơi cư trú ổn định tại địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm thì cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục. Đồng thời, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

2. Đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định tại địa phương nơi thực hiện hành vi vi phạm nhưng có nơi cư trú ổn định nơi khác, thì cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm có cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục. Khi nhận được hồ sơ nơi khác chuyển đến, ngay trong ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển cho Trưởng Công an cấp xã cùng cấp xem xét thu thập thông tin bổ sung hồ sơ. Thời hạn bổ sung hồ sơ là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (nếu cần bổ sung hồ sơ).

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả bổ sung hồ sơ, Trưởng Công an cấp xã báo cáo kết quả bổ sung hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và chuyển hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định là người chưa thành niên, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển đối tượng và bản sao hồ sơ đến cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em. Đồng thời, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ

giúp trẻ em đó đóng trụ sở để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục. Khi nhận được hồ sơ từ nơi khác chuyển đến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển hồ sơ cho Trưởng Công an cùng cấp thực hiện bổ sung hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Kiểm tra tính pháp lý hồ sơ

Ngay trong ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Công chức Tư pháp - hộ tịch kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Công chức Tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 8. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Quyết định quản lý tại gia đình

1. Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày Công chức Tư pháp - hộ tịch báo cáo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì cuộc họp tư vấn theo Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn để xem xét quyết định áp dụng biện pháp (sau đây viết tắt là Nghị định số 56/2016/NĐ-CP).

a) Nội dung biên bản theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 48/2014/TT-BCA ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Thông tư số 48/2014/TT-BCA).

b) Thành viên của cuộc họp tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 111/2014/NĐ-CP.

2. Ngay sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn, căn cứ vào biên bản cuộc họp, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành một trong các quyết định sau:

- a) Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- b) Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- c) Quyết định quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên theo quy định.

Điều 9. Quản lý đối tượng đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn tỉnh để quản lý và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục theo khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

2. Trong thời gian cơ quan y tế xác định tình trạng nghiện của người vi phạm, thì cơ quan Công an đã đề nghị xác định tình trạng nghiện có trách nhiệm cử cán bộ, chiến sĩ để phối hợp với cơ quan y tế quản lý đối tượng trong thời gian xác định tình trạng nghiện (theo tiêu chuẩn ICD10 của Bộ Y tế, thời gian này là 01 ngày). Đối với Công an cấp xã báo cáo Công an cấp huyện hỗ trợ lực lượng để phối hợp với cơ sở y tế quản lý.

3. Đối với đối tượng là người nghiện ma túy, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ lập biên bản bàn giao đối tượng cho gia đình quản lý trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

Kinh phí việc lập hồ sơ, quản lý đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục thực hiện theo Thông tư số 193/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Chương III ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 11. Lập hồ sơ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan Công an tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ) khi phát hiện người chưa thành niên vi phạm pháp luật thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thì tiến hành lập hồ sơ đề nghị theo quy định Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Thời gian lập hồ sơ đề nghị tại khoản 1 Điều này là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày xác định người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Trường hợp cần thu thập thêm thông tin tối đa là 15 (mười lăm) ngày.

Ngày xác định người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là căn cứ vào ngày ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc ngày lập biên bản vi phạm hành chính lần vi phạm thứ 3.

Điều 12. Thông báo về việc lập hồ sơ và kiểm tra tính pháp lý hồ sơ

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn lập hồ sơ theo khoản 3 Điều 11 Quy chế này, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người nêu trên có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

2. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ tại khoản 1 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển hồ sơ cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

3. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra và Báo cáo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi kèm theo toàn bộ hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện.

Nội dung báo cáo phải có đầy đủ các nội dung theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và nêu rõ ý kiến về việc thực hiện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hay không, lý do. Báo cáo phải do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện ký và được đóng dấu. Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện không được ủy quyền ký báo cáo kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng.

Điều 13. Chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ. Thời gian bổ sung hồ sơ 03 (ba) ngày làm việc.

Điều 14. Quản lý đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

1. Trong thời gian lập hồ sơ, làm thủ tục xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, nếu đối tượng có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú ổn định quyết định giao cho gia đình quản lý; trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm quyết định chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn tỉnh để quản lý.

2. Trường hợp cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan Công an tỉnh lập hồ sơ thì đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý đối tượng theo khoản 1 Điều này.

3. Thời gian quản lý được tính từ ngày Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này có hiệu lực đến khi cơ quan có thẩm quyền đưa đối tượng đi chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng của Tòa án hoặc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy bỏ quyết định giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em hoặc gia đình quản lý theo khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp Tòa án ban hành quyết định không áp dụng hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, nếu không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại Điều 31 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này ra quyết định hủy bỏ quyết định giao cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em hoặc gia đình đang quản lý đối tượng.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ qua xác minh xác định người bị lập hồ sơ không đủ điều kiện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thì đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này ban hành quyết định hủy bỏ quyết định giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em hoặc gia đình đang quản lý đối tượng.

Điều 15. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Chương IV ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC

Điều 16. Lập hồ sơ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan Công an tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ) khi phát hiện người vi phạm pháp luật thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thì tiến hành lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền là 10 (mười) ngày, kể từ ngày xác định người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp cần thu thập thêm thông tin tối đa là 15 (mười lăm) ngày. Riêng thời gian lập hồ sơ tại khoản 2 Điều này là 05 (năm) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính lần vi phạm thứ 3.

Ngày xác định người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là căn cứ vào ngày lập Biên bản vi phạm hành chính lần vi phạm thứ 3 hoặc ngày nhận được Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 17. Thông báo về việc lập hồ sơ và kiểm tra tính pháp lý hồ sơ

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, Cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

2. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ tại khoản 1 Điều này thì cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển hồ sơ cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi Trưởng Công an cùng cấp.

Điều 18. Chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ. Thời gian bổ sung hồ sơ 03 (ba) ngày làm việc.

Điều 19. Quản lý đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

1. Trong thời gian lập hồ sơ, làm thủ tục xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, nếu đối tượng có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú ổn định quyết định giao cho gia đình quản lý; trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm quyết định chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh để quản lý.

2. Trường hợp cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan Công an tỉnh lập hồ sơ thì đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý đối tượng theo khoản 1 Điều này.

3. Thời gian quản lý được tính từ ngày Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này có hiệu lực đến khi cơ quan có thẩm quyền đưa đối tượng đi chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc của Tòa án hoặc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hủy bỏ quyết định giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc gia đình quản lý theo khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp Tòa án ban hành quyết định không áp dụng hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, nếu không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại Điều 31 Pháp

lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này ra quyết định hủy bỏ quyết định giao cơ sở bảo trợ xã hội hoặc gia đình đang quản lý đối tượng.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ qua xác minh xác định người bị lập hồ sơ không đủ điều kiện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thì đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này ban hành quyết định hủy bỏ quyết định giao cơ sở bảo trợ xã hội hoặc giao cho gia đình đang quản lý.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Chương V

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 21. Lập hồ sơ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan Công an tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ) khi phát hiện người sử dụng trái phép chất ma túy thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng theo quy định.

2. Trường hợp người vi phạm có nơi cư trú ổn định không thuộc xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm, thì Trưởng Công an cấp xã đã lập biên bản vi phạm bàn giao người và biên bản vi phạm cho cơ quan Công an cấp xã nơi người vi phạm cư trú ổn định để tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng Công an cấp xã đã lập biên bản người vi phạm báo cáo, đề nghị Công an cấp huyện hỗ trợ lực lượng để bàn giao người và hồ sơ cho Công an xã nơi người vi phạm cư trú ổn định. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản, mỗi bên giữ một bản. Ngay sau khi tiếp nhận người và Biên bản vi phạm nơi khác chuyển đến, Trưởng Công an cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cùng cấp ra quyết định giao đối tượng cho gia đình quản lý trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Thành phần hồ sơ đề nghị đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định hoặc không có nơi cư trú ổn định thực hiện theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).

4. Thời gian lập hồ sơ

a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định là 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hoặc ngày nhận được phiếu xét nghiệm có kết quả dương tính với chất ma túy hoặc ngày nhận được Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ngày nhận được người và biên bản vi phạm do nơi khác chuyển đến theo khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thu thập thông tin thêm thì tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc.

b) Đối với người vi phạm không có nơi cư trú ổn định là 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được phiếu trả lời kết quả xác định tình trạng nghiện của cơ quan y tế. Trường hợp cần thu thập thông tin thêm thì tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Điều 22. Thông báo về việc lập hồ sơ và kiểm tra tính pháp lý hồ sơ

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

2. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ tại khoản 1 Điều này thì cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ chuyển hồ sơ cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện. Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và Báo cáo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi kèm theo toàn bộ hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Việc chuyển hồ sơ tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện được chia làm 02 trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP.

3. Nội dung báo cáo kết quả kiểm tra tính pháp lý phải có đầy đủ các nội dung theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP và nêu rõ ý kiến về việc thực hiện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hay không, lý do. Báo cáo phải do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện ký và được đóng dấu. Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện không được ủy quyền ký báo cáo kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 23. Chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có văn bản đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền lập

hồ sơ bổ sung. Thời hạn bổ sung hồ sơ là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

3. Cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn nêu tại khoản 2 Điều này, nếu hồ sơ không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lại hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện và người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 24. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trong thời hạn 02 (hai) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án, cơ quan Công an cấp huyện chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để đưa người đi thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 25. Quản lý đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời gian lập hồ sơ, làm thủ tục xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đối tượng có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú ổn định ra Quyết định giao đối tượng cho gia đình quản lý; trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm quyết định chuyển đến cơ sở cai nghiện bắt buộc để quản lý.

2. Trường hợp người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định nhưng sinh sống một mình (không có gia đình, người thân); sống cùng gia đình nhưng gia đình không hợp tác (không chịu nhận thông báo, quyết định của cơ quan có thẩm quyền) hoặc trong thời gian quản lý tại gia đình đối tượng bỏ trốn, có dấu hiệu bỏ trốn, tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gia đình có đơn yêu cầu hỗ trợ quản lý đối tượng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú ổn định ban hành Quyết định giao cho cơ sở cai nghiện quản lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã báo cáo Công an cấp huyện hỗ trợ lực lượng chuyển ngay người nghiện đến cơ sở cai nghiện tiếp nhận theo quyết định.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý đối tượng theo khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Thời hạn quản lý được tính từ ngày Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1, khoản 2 Điều này có hiệu lực đến khi cơ quan có thẩm quyền đưa đối tượng đi chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án hoặc kể từ ngày Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp xã hủy bỏ quyết định giao cho cơ sở cai nghiện hoặc gia đình quản lý theo khoản 5 Điều này.

5. Trường hợp Tòa án ban hành quyết định không áp dụng hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại Điều 31 Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này ra quyết định hủy bỏ quyết định giao cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giao cho gia đình quản lý.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ qua xác minh xác định người đang quản lý tại cơ sở cai nghiện không đủ điều kiện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thì đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại khoản 1 Điều này ban hành quyết định hủy bỏ quyết định giao cơ sở cai nghiện hoặc giao cho gia đình quản lý.

Điều 26. Kinh phí thực hiện

Kinh phí lập hồ sơ, quản lý đối tượng thực hiện theo Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, ngành có liên quan

1. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các ngành có liên quan triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho tư pháp cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với các ngành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của Giám đốc Công an tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ Công an các cấp thực hiện lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định; hỗ trợ lực lượng để quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian xác định trình trạng nghiện

và đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quản lý trong thời gian lập hồ sơ.

b) Thanh tra, kiểm tra việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với Công an các cấp theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

c) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan bố trí cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí tại cơ sở cai nghiện bắt buộc và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh bảo đảm phục vụ việc tiếp nhận các đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khi đưa vào để quản lý trong thời gian chờ lập hồ sơ theo quy định tại Quy chế này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cơ quan lao động, thương binh và xã hội trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

c) Phối hợp với các ngành kiểm tra, thanh tra theo quy định.

4. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Y tế

a) Tổ chức tập huấn về điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho đội ngũ cán bộ y tế tại địa phương.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xác định tình trạng nghiện.

c) Chỉ đạo các cơ quan y tế phối hợp với lực lượng Công an quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian xác định tình trạng nghiện và điều trị cắt cơn nghiện ma túy.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan thực hiện tốt công tác phối hợp trong lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đẩy mạnh công tác lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại địa phương, nhất là biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 29. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức quán triệt, triển khai đến Công an cùng cấp và Công chức Tư pháp - hộ tịch thực hiện nghiêm túc theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan trong công tác áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

2. Chỉ đạo Công an cùng cấp, Công chức Tư pháp - hộ tịch thực hiện tốt công tác phối hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này; ban hành các quyết định để quản lý hoặc hủy bỏ quyết định quản lý đối

tượng trong thời gian lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo Quy chế này.

Điều 30. Đề nghị Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

1. Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thực hiện công tác kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án, bảo đảm đúng quy định pháp luật và Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tư pháp hoặc Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hùng